

**CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/2021/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2021***NGHỊ ĐỊNH****Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định  
xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông  
đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 của Điều 1 như sau:

“2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được quy định tại Nghị định này, bao gồm:

- a) Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng hàng hải;
- b) Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn;
- c) Vi phạm quy định về hoạt động của tàu thuyền;
- d) Vi phạm quy định về đăng ký, xóa đăng ký tàu thuyền và bố trí thuyền viên; sử dụng chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên;
- đ) Vi phạm quy định về hoa tiêu hàng hải;
- e) Vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh vận tải biển, vận tải đa phương thức, dịch vụ hỗ trợ vận tải biển và cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;
- g) Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu thuyền và hoạt động phá dỡ tàu thuyền;
- h) Vi phạm quy định về an toàn Công-te-nơ;
- i) Vi phạm quy định về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng hải; trục vớt tài sản chìm đắm và báo hiệu hàng hải;
- k) Vi phạm quy định về đào tạo, huấn luyện thuyền viên;
- l) Vi phạm quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển;
- m) Vi phạm quy định về lao động hàng hải; khai báo tai nạn lao động hàng hải;
- n) Vi phạm quy định về phòng chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải;
- o) Vi phạm quy định về phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trong lĩnh vực hàng hải.

3. Các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này nếu xảy ra ở ngoài vùng nước cảng biển mà chưa được quy định tại Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.”.

2. Bổ sung khoản 2a và khoản 2b vào sau khoản 2 Điều 2 như sau:

“2a. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

- a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp;
- c) Đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

2b. Hộ kinh doanh phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật và hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm như đối với cá nhân.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

**“Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải là 01 năm; riêng đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng cảng biển, cảng cạn, công trình hàng hải, bảo vệ môi trường, quản lý giá, quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt là 02 năm.”.

4. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

**“Điều 3a. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện**

1. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc gồm những hành vi vi phạm hành chính sau đây:

a) Hành vi vi phạm quy định về xếp hàng hóa tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định này. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ thời điểm phát hiện hành vi chở hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng hóa chuyên chở) cho phép tham gia giao thông của phương tiện;

b) Các hành vi được phát hiện thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ thời điểm phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ ghi nhận hành vi vi phạm;

c) Các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này mà không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này nhưng đã được thực hiện

xong trước thời điểm người có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm. Trong trường hợp không có tài liệu, chứng cứ để xác định chính xác thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm thì các hành vi vi phạm này vẫn được xác định là còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

2. Các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này là các hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bao gồm: Giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp và phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định các biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Buộc bố trí đủ cán bộ an ninh cảng biển theo quy định; bố trí đủ số lượng hoa tiêu hoặc phương tiện tối thiểu theo quy định; bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu phù hợp với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hoặc giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải; sử dụng hoặc bố trí đủ phương tiện đưa, đón hoa tiêu theo quy định hoặc sử dụng phương tiện đưa, đón hoa tiêu bảo đảm điều kiện an toàn; bố trí thời gian nghỉ ngơi cho thuyền viên theo quy định; bố trí đưa thuyền viên hồi hương theo thời gian quy định;

- b) Buộc có kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt theo quy định;
- c) Buộc thực hiện kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng đúng thời hạn quy định hoặc sau sự cố va chạm, đâm va có ảnh hưởng đến kết cấu công trình hàng hải;
- d) Buộc dỡ bỏ, hạ phần hàng quá tải trọng, quá khổ cho phép hoặc theo hướng dẫn của lực lượng chức năng tại nơi phát hiện vi phạm;
- đ) Buộc trang bị thiết bị cứu sinh hoặc trang bị thiết bị cứu sinh phù hợp theo quy định;
- e) Buộc thiết lập đầy đủ, thiết lập báo hiệu hàng hải phù hợp theo quy định;
- g) Buộc di dời đăng đáy, lồng bè hoặc các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, khai thác tài nguyên trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải không đúng vị trí quy định;
- h) Buộc khắc phục hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ chất nạo vét trong thi công phải bảo đảm hoạt động sẵn sàng, liên tục;
- i) Buộc lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ chất nạo vét trong thi công;
- k) Buộc phải có hoặc thực hiện đúng phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- l) Buộc xây dựng phương án bảo vệ công trình hàng hải hoặc buộc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình hàng hải đã được phê duyệt; xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo quy định;
- m) Buộc thay đổi, sửa chữa tên cảng cạn đúng với tên do cơ quan có thẩm quyền công bố;
- n) Buộc khai báo bổ sung và đính chính thông tin;
- o) Buộc thanh toán phí, lệ phí hàng hải và các khoản tiền liên quan khác theo quy định; hoàn trả chi phí trực vớt tài sản chìm đắm theo quy định;
- p) Buộc di chuyển chướng ngại vật trên mặt cầu cảng đúng nơi quy định; di dời khỏi vùng hoạt động không phù hợp với cấp tàu hoạt động;

q) Buộc cho rời tàu thuyền số người quá số lượng quy định; thuyền viên phải rời tàu đối với vi phạm bố trí thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam;

r) Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với hành vi vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng;

s) Buộc khai báo đầy đủ, chính xác thông tin xuống, rời tàu và bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định;

t) Buộc làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định; làm thủ tục xóa đăng ký tàu theo quy định;

u) Buộc cung cấp đầy đủ, kịp thời dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc trên tuyến dẫn tàu được giao; cung cấp nhu yếu phẩm, lương thực thực phẩm cho thuyền viên làm việc trên tàu; cung cấp kinh phí cho thuyền viên hồi hương;

ur) Buộc thực hiện trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; mua bảo hiểm bắt buộc cho thuyền viên làm việc trên tàu;

v) Buộc giao kết lại hợp đồng lao động thuyền viên phù hợp với giấy phép lao động;

x) Buộc cải chính thông tin về vị trí, tình trạng của tàu thuyền đang hoạt động khi có thiên tai;

y) Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành.”.

c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 4 như sau:

“5. Đối với hành vi vi phạm hành chính liên quan đến tàu thuyền không có các thông tin để tính quy đổi tổng dung tích tàu quy định tại khoản 4 Điều này, phương pháp xác định trọng tải toàn phần, công suất tàu thuyền để áp dụng xử phạt như sau:

a) Trọng tải toàn phần của tàu thuyền ký hiệu là T (tấn) và được tính theo công thức  $T = A \times K$ , trong đó:

- A là giá trị của số đo chiều dài boong chính, đo từ mũi đến lái tàu thuyền nhân với số đo chiều rộng mép boong ở giữa tàu thuyền nhân với số đo chiều cao mạn, đo từ đáy đến mặt boong ở giữa tàu thuyền, được tính theo công thức  $A = L \times B \times D$ , trong đó:

L (m): Chiều dài boong chính đo từ mũi đến hết lái tàu thuyền;

B (m): Chiều rộng mép boong đo ở giữa tàu thuyền;

D (m): Chiều cao mạn đo từ đáy đến mặt boong ở giữa tàu thuyền;

- K là hệ số tương ứng với giá trị A và áp dụng như sau:

Giá trị của A từ 4,55 m<sup>3</sup> đến 18,76 m<sup>3</sup> thì hệ số K = 0,26;

Giá trị của A từ trên 18,76 m<sup>3</sup> đến 49,80 m<sup>3</sup> thì hệ số K = 0,29;

Giá trị của A từ trên 49,80 m<sup>3</sup> đến 387,20 m<sup>3</sup> thì hệ số K = 0,35;

Giá trị của A từ trên 387,20 m<sup>3</sup> đến 1.119,80 m<sup>3</sup> thì hệ số K = 0,51;

Giá trị của A trên 1.119,80 m<sup>3</sup> thì hệ số K = 0,57.

b) Nếu tàu thuyền không phải là tàu thuyền vận tải hàng hóa, hành khách thì căn cứ vào tổng công suất máy chính lắp trên tàu thuyền để áp dụng hình thức, mức xử phạt. Trường hợp không có cơ sở để xác định công suất máy chính lắp trên tàu thuyền, không nhãn mác, thì áp dụng mức xử phạt theo công suất máy 50 mã lực;

c) Trường hợp không xác định được trọng tải toàn phần theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này, người có thẩm quyền đề nghị Cơ quan đăng kiểm xác định trọng tải toàn phần của tàu thuyền để làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

d) Đối với tàu thuyền như: Bến nổi hoặc kết cấu nổi khác mà trên đó đặt thiết bị thi công cuộc, hút để nạo vét luồng, khai thác khoáng sản, xếp dỡ hàng hóa nếu

không đủ căn cứ để xác định trọng tải toàn phần hoặc công suất của tàu thuyền thì xác định như sau:

Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất đến 10 mét hoặc có chiều rộng lớn nhất đến 4 mét thì được xác định như tàu thuyền có trọng tải toàn phần từ 5 tấn đến 15 tấn;

Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 10 mét hoặc có chiều rộng lớn nhất trên 4 mét thì được xác định tàu thuyền có trọng tải toàn phần trên 15 tấn;

Chiều dài của tàu thuyền được tính từ điểm ngoài cùng của mũi phươg tiện đến điểm ngoài cùng của lái tàu thuyền hoặc từ hai điểm ngoài cùng của tàu thuyền nơi có mặt cắt lớn nhất trên mặt boong;

Chiều rộng của tàu thuyền được tính từ mép boong bên này đến mép boong bên kia, ở vị trí có kích thước lớn nhất.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Vi phạm quy định về công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai báo sai lệch thông tin trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng.

3. Hình phạt xử phạt bổ sung: Tịch thu giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10 như sau:

a) Bổ sung điểm i và điểm k vào sau điểm h khoản 5 Điều 10 như sau:



“i) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình hàng hải;

k) Không thực hiện kiểm định hoặc điều khiển phương tiện, thiết bị xếp dỡ, xe, máy móc chuyên dùng trong nội bộ của cảng mà không được kiểm định theo quy định.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 Điều 10 như sau:

“d) Không thực hiện kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng đúng thời hạn quy định hoặc sau sự cố va chạm, đâm va có ảnh hưởng đến kết cấu công trình hàng hải;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 10 như sau:

“7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ việc tiếp nhận tàu thuyền hoạt động tuyến quốc tế vào cảng biển từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d và điểm e khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều này;

b) Đình chỉ việc tiếp nhận tàu thuyền vào cảng biển từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.”;

d) Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 10 như sau:

“8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bố trí đủ cán bộ an ninh cảng biển theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm e khoản 5 Điều này;

b) Buộc có kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 6 Điều này;

c) Buộc thực hiện kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng đúng thời hạn quy định hoặc sau sự cố va chạm, đâm va có ảnh hưởng đến kết cấu công trình hàng hải đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

**“Điều 12. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hàng hải và bảo vệ môi trường khi xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp cảng biển hoặc khi xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị khác ảnh hưởng đến an toàn hàng hải**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có trang thiết bị cứu sinh hoặc trang thiết bị cứu sinh không phù hợp theo quy định;

b) Không thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết về việc xây dựng các công trình khác trong vùng nước cảng biển;

c) Thiết lập báo hiệu hàng hải không đầy đủ hoặc thiết lập báo hiệu hàng hải không phù hợp theo quy định hoặc báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc báo hiệu sai lệch khu vực đang thi công công trình;

d) Tàu công trình, tàu phục vụ thi công công trình neo đậu ngoài vùng giới hạn cho phép, gây cản trở giao thông hàng hải trên luồng hàng hải;

đ) Không ghi chép kết quả giám sát về quá trình thi công nạo vét và vận chuyển đổ chất nạo vét hoặc không ghi nhật ký thi công theo quy định; không thực hiện báo cáo định kỳ với Cảng vụ hàng hải và Cục Hàng hải Việt Nam về tình hình, kết quả thực hiện dự án nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm theo quy định;

e) Đặt lồng bè hoặc đặt các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, khai thác tài nguyên trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải khi chưa được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải hoặc không đúng vị trí hoặc không đúng thời gian đã được chấp thuận;

g) Đóng đặng đáy trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công sai vị trí được cấp phép;

b) Thi công quá thời gian quy định ghi trong giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

c) Sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dùng để khảo sát, nạo vét luồng, thiết lập báo hiệu hàng hải và tiến hành các hoạt động khác trong vùng nước cảng biển khi chưa được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải theo quy định;

d) Không thu dọn, thanh thải chướng ngại vật phát sinh trong quá trình thi công sau khi công trình đã hoàn thành;

đ) Không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e) Tạo ra các chướng ngại vật trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam gây ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải;

g) Lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ chất nạo vét trong hoạt động nạo vét không phù hợp theo quy định; hệ thống giám sát nạo vét không bảo đảm thông số kỹ thuật tối thiểu hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động hoặc hoạt động không liên tục, ổn định theo quy định;

h) Không tổ chức giám sát công tác thi công, đồ chất nạo vét theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thiết lập báo hiệu hàng hải theo quy định;

b) Không lắp đặt theo quy định hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ bùn đất trong thi công nạo vét, duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công công trình không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều

này khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Tổ chức thi công công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

b) Xây dựng công trình không đúng thiết kế được thẩm định, phê duyệt;

c) Không có phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông theo quy định.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch được duyệt.

7. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền và để xảy ra tai nạn;

b) Thi công sai vị trí được phép và để xảy ra tai nạn;

c) Không có hoặc thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến xảy ra tai nạn.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trang bị thiết bị cứu sinh hoặc trang bị thiết bị cứu sinh phù hợp theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc thiết lập đầy đủ, thiết lập báo hiệu hàng hải phù hợp theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

c) Buộc di dời dăng đáy, lồng bè hoặc các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, khai thác tài nguyên trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải không đúng vị trí quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều này;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do các hành vi vi phạm quy định tại các điểm d khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều này;

đ) Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng trái phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và điểm a và điểm b khoản 7 Điều này;

e) Buộc khắc phục hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ chất nạo vét trong thi công phải bảo đảm hoạt động sẵn sàng, liên tục đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 2 Điều này;

g) Buộc lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ chất nạo vét trong thi công đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

h) Buộc phải có phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 và điểm c khoản 7; thực hiện hoặc thực hiện đúng phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 7 Điều này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

**“Điều 15. Vi phạm quy định về cân xác nhận khối lượng toàn bộ đối với mỗi Công-te-nơ vận tải biển**

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

1. Không cân xác nhận khối lượng toàn bộ Công-te-nơ theo quy định.
2. Không cung cấp bản xác nhận khối lượng toàn bộ Công-te-nơ theo quy định.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

**“Điều 16. Vi phạm quy định về xếp hàng hóa lên xe ô tô trong vùng đất cảng**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 10% đến 50%; riêng với xe xi téc chở chất lỏng, trên 20% đến 50%;

b) Xếp hàng hóa lên xe ô tô mà không ký xác nhận việc xếp hàng hóa vào Giấy vận tải theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100%.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100%.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm chất xếp hàng siêu trường, siêu trọng lên phương tiện không có Giấy phép lưu hành, Giấy phép lưu hành hết hạn sử dụng hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải hạ phần hàng xếp vượt quá trọng tải cho phép chở của xe ô tô trong trường hợp xe ô tô được xếp hàng chưa rời khỏi khu vực xếp hàng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

**“Điều 17. Vi phạm quy định đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô trong vùng đất cảng**

1. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/giờ đến dưới 10 km/giờ.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/giờ đến 20 km/giờ.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ trên 20 km/giờ đến 35 km/giờ;

b) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí thở.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/giờ.

5. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/01 lít khí thở.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

d) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 16 tháng đến 18 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

đ) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

**“Điều 20. Vi phạm quy định về sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển và điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh khai thác cảng biển không đúng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định;
- b) Không có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy hoặc không có phương án chữa cháy theo quy định;
- c) Không có đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;
- d) Không có đủ cơ sở vật chất, kho, bãi, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với cảng biển hoặc không có hợp đồng thuê kho, bãi đối với trường hợp cảng biển không có đủ kho, bãi theo quy định;
- đ) Không có đủ phương tiện tiếp nhận, thu hồi các chất thải từ tàu để xử lý theo quy định;
- e) Không có đủ nhân lực hoặc hệ thống, công trình hoặc thiết bị quản lý, xử lý chất thải phát sinh tại khu vực cảng biển theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Kinh doanh khai thác cảng biển không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;



b) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển;

c) Sử dụng một trong các giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển;

d) Mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển.

#### 4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu các giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển và giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này.”.

#### 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

**“Điều 21. Vi phạm quy định về niêm yết thông tin về giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa Công-te-nơ bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không niêm yết giá vận chuyển bằng đường biển, phụ thu, giá dịch vụ tại cảng biển tại địa điểm phải niêm yết theo quy định;

b) Niêm yết không đúng đồng tiền quy định đối với giá và phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa Công-te-nơ bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển;

c) Không thông báo bằng văn bản tới Cục Hàng hải Việt Nam về địa chỉ trang thông tin điện tử nơi niêm yết theo quy định; không cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không niêm yết ít nhất 15 ngày liên tục trước khi tăng giá và phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa Công-te-nơ bằng đường biển.”.

14. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 3 Chương II như sau:

**“Mục 3. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN”.**

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

**“Điều 32. Vi phạm quy định về thủ tục vào, rời cảng biển hoặc quá cảnh**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đủ hoặc sai một trong các thông tin trong thông báo, xác báo tàu đến, rời cảng hoặc bản khai chung hoặc danh sách thuyền viên, danh sách hành khách theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Làm thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng biển hoặc quá cảnh chậm hơn thời gian quy định;

b) Không làm thủ tục cấp lại Giấy phép rời cảng cho tàu thuyền hết hiệu lực theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Trong thời gian quy định, không cung cấp được một trong các giấy chứng nhận, tài liệu, giấy tờ hoặc cung cấp giấy chứng nhận, tài liệu, giấy tờ không phù hợp khi làm thủ tục vào, rời cảng hoặc quá cảnh;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ giấy tờ về hàng hóa nguy hiểm được vận chuyển trên tàu theo quy định;

c) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ các tài liệu, giấy chứng nhận về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường; tài liệu, giấy chứng nhận về quản lý nước dằn tàu; hệ thống chống hà theo quy định;

d) Không có bản chính hoặc bản sao chứng thực bảo lãnh ngân hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với tàu biển để chi trả chi phí hồi hương cho thuyền viên theo quy định;

đ) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin về vũ khí, vật liệu nổ, người trốn trên tàu theo quy định;

e) Tự ý bóc dỡ hàng hóa hoặc cho thuyền viên, hành khách hoặc những người không có nhiệm vụ lên tàu trước khi tàu làm xong thủ tục nhập cảnh hoặc rời tàu sau khi đã làm xong thủ tục xuất cảnh theo quy định.

4. Đối với hành vi không có Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính còn hiệu lực theo quy định đối với tàu thuyền chở khách, chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách dưới 50 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 50 người đến dưới 100 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 100 người đến dưới 300 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 300 người trở lên; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

5. Đối với hành vi không có giấy phép rời cảng cuối cùng theo quy định hoặc rời cảng khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi của tàu thuyền nước ngoài tham gia vận tải nội địa hoặc thực hiện các hoạt động đặc thù khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khai báo bổ sung và đính chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thanh toán phí, lệ phí hàng hải và các khoản tiền liên quan khác theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.”.

16. Sửa đổi tên Mục 4 Chương II như sau:

**“Mục 4. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, XÓA ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN, TÀU BIỂN CÔNG VỤ, TÀU NGÀM, TÀU LẶN, KHO CHỨA NỔ, GIÀN KHOAN DI ĐỘNG VÀ BỐ TRÍ THUYỀN VIÊN TRÊN TÀU THUYỀN; SỬ DỤNG CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN, SỐ THUYỀN VIÊN”.**

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

**“Điều 40. Vi phạm quy định về đăng ký, xóa đăng ký; sử dụng các giấy chứng nhận của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không thực hiện đăng ký thay đổi theo quy định;
- b) Không thực hiện đăng ký thay đổi chủ sở hữu sau khi đã được mua, bán, chuyển quyền sở hữu;
- c) Không thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu khi thay đổi doanh nghiệp quản lý, khai thác;
- d) Khai báo sai lệch thông tin; sử dụng giấy tờ tẩy xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;
- đ) Chủ tàu biển Việt Nam không gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký về Cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam để quản lý khi tàu biển đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài;
- e) Không đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định đối với tàu biển được mua, đóng mới của doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước;
- g) Không thực hiện xóa đăng ký theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

- a) Khai thác tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký;
- b) Sử dụng một trong các giấy chứng nhận của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động khác hoặc giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa sai lệch nội dung hoặc giấy chứng nhận không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm e khoản 1 Điều này;

b) Buộc làm thủ tục xóa đăng ký tàu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

**“Điều 42. Vi phạm quy định về bố trí thuyền viên, sử dụng chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên trên tàu biển**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

a) Không ghi hoặc ghi không đầy đủ, chính xác thông tin trong sổ thuyền viên theo quy định;

b) Không mang theo đầy đủ chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên khi làm việc trên tàu biển theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bố trí thuyền viên làm việc trên tàu thuyền không có đủ chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên hoặc có chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề nhưng hết hiệu lực hoặc bố trí chức danh thuyền viên không phù hợp với chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề của thuyền viên;

b) Giao nhiệm vụ cho thuyền viên làm việc trên tàu biển không phù hợp với chức danh trong sổ thuyền viên trái quy định;

c) Không thực hiện việc khai báo hoặc khai báo không chính xác thông tin xuống, rời tàu và việc bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc đã bị sửa chữa, tẩy xóa;

b) Sử dụng chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên của người khác để làm việc trên tàu;

c) Khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khai báo đầy đủ, chính xác thông tin xuống, rời tàu và bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 2 Điều này.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

**“Điều 44. Vi phạm quy định về điều động và bố trí hoa tiêu hàng hải**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Gửi kế hoạch hoa tiêu dẫn tàu hàng ngày chậm hơn thời gian quy định hoặc không thông báo về sự thay đổi đột xuất kế hoạch hoa tiêu dẫn tàu cho Cảng vụ hàng hải;

b) Bố trí hoa tiêu không đúng với kế hoạch điều động của Cảng vụ hàng hải mà không báo trước cho Cảng vụ hàng hải biết.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hoặc giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải không phù hợp;

b) Không cung cấp đầy đủ, kịp thời dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc trên tuyến dẫn tàu được giao mà không có lý do chính đáng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng hoặc không bố trí đủ phương tiện đưa, đón hoa tiêu theo quy định hoặc sử dụng phương tiện đưa, đón hoa tiêu không bảo đảm điều kiện an toàn.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ số lượng hoa tiêu hoặc phương tiện tối thiểu theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu phù hợp với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hoặc giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc cung cấp đầy đủ, kịp thời dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc trên tuyến dẫn tàu được giao đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc sử dụng hoặc bố trí đủ phương tiện đưa, đón hoa tiêu theo quy định hoặc sử dụng phương tiện đưa, đón hoa tiêu bảo đảm điều kiện an toàn đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc bố trí đủ số lượng hoa tiêu hoặc phương tiện tối thiểu theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 4 Điều này.”.



20. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

**“Điều 45. Vi phạm quy định trong khi dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải**

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây của hoa tiêu:

a) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải khi phát hiện tai nạn, sự cố hay những thay đổi của luồng hàng hải và báo hiệu hàng hải trong thời gian dẫn tàu;

b) Không thông báo, xác báo cho Cảng vụ hàng hải về thời gian, địa điểm lên tàu, rời tàu hoặc tình hình dẫn tàu theo quy định;

c) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải việc tàu thuyền chạy quá tốc độ cho phép tại khu vực có quy định giới hạn tốc độ và chạy ngược chiều tại luồng một chiều hoặc tránh vượt nhau tại khu vực cấm tránh vượt;

d) Lên tàu chậm hơn thời gian quy định hoặc lên, xuống tàu không đúng địa điểm quy định mà không có lý do chính đáng;

đ) Dẫn tàu vào, rời cảng hoặc di chuyển không đúng theo kế hoạch điều động tàu của Cảng vụ hàng hải hoặc không đúng với tàu được phân công dẫn mà không có lý do chính đáng;

e) Tự ý rời tàu khi chưa có sự đồng ý của thuyền trưởng;

g) Không sử dụng trang phục hoa tiêu theo quy định khi dẫn tàu.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm: Hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí hoặc có sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng khi dẫn tàu.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Hoa tiêu hàng hải dẫn tàu vào neo đậu, cập cầu hoặc di chuyển trong vùng nước cảng khi chưa có lệnh điều động hoặc sai vị trí chỉ định của Cảng vụ hàng hải;

b) Từ chối dẫn tàu mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải hoặc tổ chức hoa tiêu hàng hải về việc từ chối dẫn tàu;

c) Tự ý dẫn tàu không đúng tuyến luồng hàng hải đã được công bố;

d) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải ít nghiêm trọng.

4. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với hành vi hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/01 lít khí thở khi dẫn tàu.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải nghiêm trọng;

b) Hoa tiêu chỉ dẫn cho thuyền trưởng điều động tàu thuyền được dẫn chạy quá tốc độ cho phép từ 01 hải lý/giờ đến 02 hải lý/giờ.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng;

b) Hoa tiêu chỉ dẫn cho thuyền trưởng điều động tàu thuyền được dẫn chạy quá tốc độ cho phép trên 02 hải lý/giờ hoặc chạy ngược chiều hoặc tránh vượt nhau tại khu vực cấm tránh vượt;

c) Hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/01 lít khí thở khi dẫn tàu.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm được quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải có thời hạn từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các hành vi vi phạm được quy định tại khoản 4 và điểm a khoản 6 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải có thời hạn từ 09 tháng đến 12 tháng đối với các hành vi vi phạm được quy định tại điểm c khoản 6 Điều này.”.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau:

**“Điều 46. Vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, vận tải đa phương thức và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh vận tải đa phương thức không đúng nội dung ghi trong giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh vận tải đa phương thức không có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;

b) Kinh doanh dịch vụ vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển nhưng không đáp ứng các điều kiện theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục hoạt động kinh doanh khi đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh, tước quyền sử dụng giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện;

b) Sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ xin cấp giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện;

c) Mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

b) Tịch thu giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và điểm b khoản 5 Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 47 như sau:

“4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải;

b) Sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị giao tuyến dẫn tàu hoặc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải;

c) Mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 47 như sau:

“b) Tịch thu giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này.”.

23. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2 và điểm e vào sau điểm đ khoản 5 Điều 48 như sau:

a) Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2 Điều 48 như sau:

“e) Không bố trí cho thuyền viên hồi hương đúng theo thời gian quy định.”;

b) Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 5 Điều 48 như sau:

“e) Buộc bố trí đưa thuyền viên hồi hương theo thời gian quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.”.

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 51 như sau:

“1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:

- a) Không thực hiện phá dỡ tàu biển trong thời hạn quy định;
- b) Phá dỡ từng tàu biển khi chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển theo quy định.”.

25. Sửa đổi tên Mục 11 Chương II như sau:

**“Mục 11. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN”.**

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 57 như sau:

**“Điều 57. Vi phạm quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sau:

a) Để xảy ra sự cố tràn dầu hoặc phát hiện sự cố tràn dầu mà không báo cáo kịp thời đến cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu theo quy định;

b) Không cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định;

c) Không thông báo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan để phối hợp triển khai.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tổ chức tập huấn hoặc cử cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia ứng phó đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu;

b) Không triển khai thực hành huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền trợ giúp trong trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng, nguồn lực tại chỗ của cơ sở theo quy định.

4. Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt tới Ủy ban nhân dân cấp huyện để phối hợp thực hiện;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đầu tư hoặc không ký hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan chủ quản phê duyệt theo quy định;

đ) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định.

5. Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50.000 m<sup>3</sup> trở lên, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lớn hơn hoặc bằng 50.000 DWT bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không đầu tư hoặc không ký hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu

vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định;

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức, chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình hoặc lực lượng, phương tiện, thiết bị trong hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu để triển khai thực hiện ứng phó kịp thời; không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt theo quy định;

d) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định.

6. Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000 m<sup>3</sup>, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đầu tư hoặc không ký hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức, chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình hoặc lực lượng,

phương tiện, thiết bị trong hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu để triển khai thực hiện ứng phó kịp thời; không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định;

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định.

7. Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của chủ đầu tư cảng, chủ cơ sở, chủ dự án có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức, chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình hoặc lực lượng, phương tiện, thiết bị trong hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu để triển khai thực hiện ứng phó kịp thời; không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; không tổ chức giám sát các hoạt động có nguy cơ tràn dầu cao trong địa bàn hoạt động của mình để kịp thời triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp; không thực hiện đầy đủ các yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi xảy ra sự cố tràn dầu;



c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định; không lập lại kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định.

8. Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động dầu khí ngoài khơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt đến Ủy ban nhân dân các tỉnh có nguy cơ bị ảnh hưởng khi xảy ra sự cố tại cơ sở, dự án;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm đề huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt theo quy định;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định.

9. Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của tàu dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo kế hoạch chuyên tải dầu giữa tàu với tàu trên biển để cơ quan nhà nước có thẩm quyền giám sát và có biện pháp ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định;

b) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi không có Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt đối với các tàu chở dầu mang cờ quốc tịch Việt Nam có tổng dung tích từ 150 GT trở lên, các tàu khác không phải tàu chở dầu có tổng dung tích từ 400 GT trở lên theo quy định;

c) Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi không có Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt đối với các tàu chở dầu mang cờ quốc tịch Việt Nam có tổng dung tích từ 150 GT trở lên tham gia vào việc chuyên tải dầu giữa tàu với tàu trên biển;

d) Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện chuyên tải dầu giữa tàu với tàu trên biển khi chưa sự đồng ý của Đầu mối liên lạc quốc gia hoặc Cảng vụ theo quy định;

đ) Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng đối với hành vi không mua bảo hiểm hoặc các bảo đảm tài chính khác theo mức trách nhiệm dân sự được pháp luật quy định để bồi thường thiệt hại đối với ô nhiễm dầu theo quy định.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 8 và khoản 9 Điều này gây ra.”.

27. Bổ sung Điều 58a vào sau Điều 58 như sau:

**“Điều 58a. Vi phạm quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không niêm yết hoặc niêm yết không đúng danh sách tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển và giá dịch vụ thu gom, xử lý chất thải theo quy định;

b) Không báo cáo về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Tàu thuyền có nhu cầu xử lý chất thải không thực hiện khai báo hoặc khai báo không đúng với Cảng vụ hàng hải về chất thải theo quy định;

b) Làm rơi vãi, gây phát tán, rò rỉ chất thải trong quá trình thu gom chất thải từ tàu thuyền.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí phương tiện để tiếp nhận hoặc không ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc niêm yết hoặc niêm yết đúng danh sách tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển và

giá dịch vụ thu gom, xử lý chất thải theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc báo cáo về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc thực hiện khai báo hoặc khai báo đúng với Cảng vụ hàng hải về chất thải theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 2 Điều này;

d) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường từ chất thải rơi vãi, gây phát tán, rò rỉ trong quá trình thu gom chất thải từ tàu thuyền đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này.”.

28. Bổ sung Điều 58b vào sau Điều 58a như sau:

**“Điều 58b. Vi phạm quy định về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu thuyền gây ra**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không trang bị các thiết bị chứa, phân loại rác theo quy định hoặc không chứa rác đúng nơi quy định;

b) Gỡ rỉ, sơn tàu thuyền khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

c) Không bố trí người thường trực ở trên boong và ngay tại nơi tiếp nhận nhiên liệu khi tàu thuyền nhận nhiên liệu;

d) Đổ rác hoặc vứt các đồ vật khác từ tàu xuống nước hoặc cầu cảng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Tiến hành bơm chuyển hoặc tiếp nhận nhiên liệu giữa tàu thuyền và phương tiện khác khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải theo quy định;

b) Không có thiết bị phân ly dầu nước, thiết bị lọc dầu hoặc có thiết bị nhưng không sử dụng được;

c) Không chấp hành một trong những quy trình, quy tắc an toàn kỹ thuật khi tiếp nhận nhiên liệu;

d) Cho tàu thuyền khác cập mạn khi đang trong quá trình tiếp nhận nhiên liệu giữa hai tàu;

đ) Sử dụng lò đốt rác, lò đốt chất thải trong khu vực cảng biển hoặc sử dụng dầu nhiên liệu chạy máy chính, máy đèn có hàm lượng lưu huỳnh vượt quá mức cho phép;

e) Không ghi nhật ký bơm, xả dầu hoặc các chất nguy hiểm khác theo quy định.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi bơm, xả các loại chất thải từ tàu xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển không đúng quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục các quy định ngăn ngừa ô nhiễm do tàu thuyền gây ra đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.”.

29. Bổ sung Điều 58c vào sau Điều 58b như sau:

**“Điều 58c. Vi phạm quy định về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu**

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng các hệ thống chống hà độc hại tại các cảng, cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu;

b) Đổ các loại phế thải từ việc sử dụng hoặc loại bỏ hệ thống chống hà không phù hợp với quy định ra môi trường.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của doanh nghiệp cảng, cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu trong thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường tại khoản 1 Điều này.”.

30. Bổ sung Điều 58d vào sau Điều 58c như sau:

**“Điều 58d. Vi phạm quy định về quản lý, kiểm soát nước dẫn, cặn nước dẫn của tàu thuyền**

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện chế độ bơm xả nước dẫn tàu theo quy định và chỉ dẫn của Cảng vụ hàng hải;

b) Xả nước dẫn tàu và cặn nước dẫn tàu có chứa các loài sinh vật thủy sinh có hại và mầm bệnh hoặc chất độc hại trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và vi phạm quy định về quản lý, kiểm soát nước dẫn, cặn nước dẫn của tàu thuyền khoản 1 Điều này.”.

31. Bổ sung Điều 58đ vào sau Điều 58d như sau:

**“Điều 58đ. Vi phạm quy định về nhận chìm**

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Đồ chất nạo vét không đúng vị trí quy định;

b) Bốc, xếp vật chất được nhận chìm không phù hợp với nội dung Giấy phép nhận chìm ở biển.

2. Hình phạt xử phạt bổ sung: Tước giấy phép nhận chìm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.”.

32. Bổ sung Mục 12 vào sau Mục 11 của Chương II và bổ sung Điều 58e, Điều 58g, Điều 58h như sau:

**“Mục 12. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG HÀNG HẢI; KHAI BÁO TAI NẠN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI**

**Điều 58e. Vi phạm quy định về giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng lao động thuyền viên**

Phạt tiền đối với người sử dụng lao động với hành vi không giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng lao động thuyền viên bằng văn bản đối với công việc có thời hạn từ đủ 03 tháng trở lên; giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng lao động thuyền viên không đầy đủ các nội dung chủ yếu của hợp đồng theo một trong các mức sau đây:

1. Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với vi phạm từ 01 thuyền viên đến 10 thuyền viên.
2. Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với vi phạm từ 11 thuyền viên đến 50 thuyền viên.
3. Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng với vi phạm từ 51 thuyền viên đến 100 thuyền viên.
4. Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với vi phạm từ 101 thuyền viên đến 300 thuyền viên.
5. Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng với vi phạm từ 301 thuyền viên trở lên.

**Điều 58g. Vi phạm quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giao kết hợp đồng lao động thuyền viên không phù hợp với giấy phép lao động do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp.
2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm bố trí thuyền viên nước ngoài không có giấy phép lao động do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc giấy phép lao động đã hết hạn.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc giao kết lại hợp đồng lao động thuyền viên phù hợp với giấy phép lao động đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thuyền viên phải rời tàu đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.

**Điều 58h. Vi phạm quy định về khai báo khi trên tàu xảy ra tai nạn lao động hàng hải**

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không khai báo tai nạn lao động hàng hải theo quy định.”.

33. Bổ sung Mục 13 vào Chương II và bổ sung Điều 58i và Điều 58k như sau:

**“Mục 13. VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI**

**Điều 58i. Vi phạm quy định về xây dựng phương án ứng phó thiên tai và báo cáo về phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp khi vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Không xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo quy định;

b) Không thực hiện chế độ báo cáo trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra gửi Cảng vụ hàng hải theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này.

**Điều 58k. Vi phạm quy định về phòng ngừa thiên tai và ứng phó thiên tai**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với doanh nghiệp khi vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin sai lệch về vị trí, tình trạng của tàu thuyền đang hoạt động khi có thiên tai;

b) Không tuân thủ quy định về phòng, chống thiên tai đối với tàu thuyền;



c) Không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đầy đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai được phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với doanh nghiệp khi có hành vi không sẵn sàng thực hiện yêu cầu của Cảnh vụ hàng hải về việc điều động các phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin về vị trí, tình trạng của tàu thuyền đang hoạt động khi có thiên tai đối với hành vi vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”.

(Xem tiếp Công báo số 47 + 48)

---

---

## VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng